

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 130/2012/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số trình tự, thủ tục đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 35/TTr-TNMT ngày 10/02/2012 và Báo cáo số 51/BC-TNMT ngày 17/4/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số trình tự, thủ tục đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/5/2012.

Điều 3. Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số trình tự, thủ tục đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 130/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số trình tự, thủ tục thực hiện việc đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005, Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2011/NĐ-CP), Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT), Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2011/TT-BXD) và Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT) không quy định lại trong Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

Điều 3. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Đối tượng thực hiện đánh giá môi trường chiến lược trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định trong các đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, bao gồm đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (gọi chung là quy hoạch xây dựng) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, khuyến khích thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch nêu tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nội dung, phương pháp đánh giá môi trường chiến lược

1. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược là một bộ phận của đồ án quy hoạch xây dựng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và phải được thực hiện đồng thời trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

2. Phương pháp, nội dung đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BXD.

Điều 5. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định nội dung đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình thẩm định, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền.

2. Kết quả thẩm định nội dung đánh giá môi trường chiến lược là một nội dung trong văn bản phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Mục 2

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Chủ dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP và khoản 1 Điều 10 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT có trách nhiệm lập hoặc thuê tổ chức tư vấn đủ năng lực lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư của mình.

Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 17 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP và Điều 13 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp hồ sơ không đủ hoặc không hợp lệ thì Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có thông báo bằng văn bản cho chủ dự án để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Điều 8. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Việc tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

Điều 9. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định) cho từng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

3. Điều kiện, tiêu chí lựa chọn các chức danh của Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

4. Hoạt động của Hội đồng thẩm định thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 30, 31, 32, 33 và Điều 34 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

5. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện theo quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25 và Điều 26 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

Điều 10. Trình tự thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Thời gian thẩm định tối đa là hai mươi lăm (25) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ), cụ thể thời gian, trình tự như sau:

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

3. Trong thời hạn mười bốn (14) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định xong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường phải ra văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi đến chủ dự án.

Điều 11. Chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thông báo kết quả thẩm định và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Quá thời hạn này, Sở Tài nguyên và Môi trường ra văn bản thông báo hủy kết quả thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình tự tiếp nhận hồ sơ, thời gian, quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp bị hủy kết quả theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như Điều 7 và Điều 10 Quy định này.

Điều 12. Phê duyệt, chứng thực và gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn tất hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường chứng thực vào trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chứng thực vào trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cho chủ dự án 01 bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi thực hiện dự án 01 bộ; gửi quyết định phê duyệt cho cơ quan quản lý trực tiếp ngành, lĩnh vực liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 13. Tổ chức kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập đoàn kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nguyên tắc làm việc của đoàn kiểm tra, trách nhiệm, quyền hạn của thành viên đoàn kiểm tra, nội dung và hình thức kiểm tra thực hiện theo quy định tại các Điều 41, Điều 42, Điều 43 và khoản 1, khoản 2 Điều 44 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

Mục 3 **CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 14. Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

1. Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 46 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.

2. Các dự án đầu tư, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường phải có ý kiến bằng văn bản về biện pháp bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi triển khai dự án.

3. Đối với dự án triển khai trên địa bàn từ hai (02) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thuộc đối tượng phải lập, đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường thì được lựa chọn đăng ký ở một trong các Ủy ban nhân dân cấp huyện có triển khai dự án, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường phải có ý kiến bằng văn bản về biện pháp bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện còn lại.

Điều 15. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

1. Chủ dự án thuộc các đối tượng quy định tại Điều 45 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT có trách nhiệm lập và gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án đầu tư để đăng ký.

2. Thời gian đăng ký và gửi bản cam kết bảo vệ môi trường tối đa là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ), cụ thể thời gian, trình tự như sau:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án, chủ cơ sở biết về việc chấp nhận hồ sơ hoặc không chấp nhận hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường. Trường hợp không chấp nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản;

b) Sau khi hoàn thành đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký cho chủ dự án, chủ cơ sở, đơn vị liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

Mục 4 **ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 16. Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Chủ cơ sở thuộc đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT có trách nhiệm lập hoặc thuê tư vấn có đủ năng lực lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho cơ sở của mình.

2. Cấu trúc và nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

Điều 17. Tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thường trực thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường phải có thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết thực hiện theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định và trình phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi tắt là cơ quan thường trực thẩm định) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thường trực thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

Điều 18. Trình tự thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Thời gian kiểm tra, thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết tối đa là hai mươi lăm (25) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian chủ cơ sở hoàn thiện hồ sơ), cụ thể thời gian, trình tự như sau:

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thường trực thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định.

Thành phần đoàn kiểm tra, thẩm định tối đa chín (09) thành viên, bao gồm đại diện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi cơ sở hoạt động, phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường thuộc Công an tỉnh, một số chuyên gia về môi trường. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thường trực thẩm định có thể mời cơ quan, ban, ngành liên quan tham gia đoàn, mời chuyên gia viết bài nhận xét.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ theo quy định của cơ quan thường trực thẩm định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định.

3. Trong thời hạn mười bốn (14) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định, trưởng đoàn kiểm tra, thẩm định có trách

nhiệm hoàn thành việc kiểm tra, thẩm định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc cơ quan thường trực thẩm định gửi thông báo kết quả kiểm tra, thẩm định đến chủ cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

Điều 19. Chính sửa, hoàn thiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả kiểm tra, thẩm định, chủ cơ sở có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo thông báo kết quả kiểm tra, thẩm định của cơ quan thường trực thẩm định và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Quá thời hạn này, Sở Tài nguyên và Môi trường ra văn bản thông báo hủy kết quả thẩm định.

2. Trình tự tiếp nhận hồ sơ, thời gian, quy trình thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với trường hợp bị hủy kết quả theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như Điều 17 và Điều 18 Quy định này.

Điều 20. Phê duyệt, chứng thực và gửi đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt

1. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn tất hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo hồ sơ theo quy định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường chứng thực vào trang phụ bì của đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

4. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chứng thực vào trang phụ bì của đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và gửi quyết định phê duyệt kèm theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết thông qua bộ phận tiếp nhận và kết quả cho chủ cơ sở 01 bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi cơ sở hoạt động 01 bộ; gửi quyết định phê duyệt cho cơ quan quản lý trực tiếp ngành, lĩnh vực liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hoạt động; lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 21. Kiểm tra, xác nhận thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập đoàn kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản

Chủ cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT có trách nhiệm lập hoặc thuê tư vấn lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho cơ sở của mình.

Điều 23. Cấu trúc, nội dung, thành phần hồ sơ

1. Cấu trúc, nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản thực hiện theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 17 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

3. Các cơ sở, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hồ sơ đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản phải có ý kiến bằng văn bản về biện pháp bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi cơ sở hoạt động.

4. Đối với cơ sở hoạt động trên địa bàn từ hai (02) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thuộc đối tượng phải lập, đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản thì được lựa chọn đăng ký ở một trong các Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, hồ sơ đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản phải có ý kiến bằng văn bản về biện pháp bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện còn lại.

Điều 24. Nộp hồ sơ, đăng ký và xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản

1. Chủ cơ sở quy định tại Điều 22 Quy định này có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị đăng ký và xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực đăng ký có văn bản thông báo cho chủ cơ sở để hoàn thiện theo quy định.

2. Quy trình lập, đăng ký và xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện là cơ quan thường trực trong việc tổ chức đăng ký, xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn cấp huyện theo quy định.

Điều 25. Thời hạn xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức việc đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản tiến hành xem xét, cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho chủ cơ sở trong thời hạn:

a) Tối đa hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở nằm trên địa bàn từ hai (02) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

b) Tối đa mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở nằm trên địa bàn một (01) đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Thời hạn quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này không bao gồm thời gian mà chủ cơ sở hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thường trực đăng ký trong quá trình xem xét hồ sơ.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP** **VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

Điều 26. Trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Bố trí tối đa ba (03) thành viên tham gia Hội đồng thẩm định; tiếp nhận hồ sơ, xem xét, tổ chức thẩm định, kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, đôn đốc, hướng dẫn, xác nhận việc hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt theo quy định. Kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc xác nhận, đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Xem xét, xác nhận hợp đồng, điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định đối với các đối tượng, nội dung nêu tại khoản 6 Điều 29 Quy định này.

đ) Báo cáo định kỳ gửi Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính phối hợp với cơ quan chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách theo quy định hiện hành để chi cho hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động kiểm tra, xác nhận việc chủ dự án đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; hoạt động kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký; hoạt động giám sát việc thực hiện cam kết, yêu cầu về bảo vệ môi trường, công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra; phối hợp thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở

trong các khu, cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý. Phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn quản lý. Bố trí nơi niêm yết công khai thông tin về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án trong khu, cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký. Có ý kiến bằng văn bản về các biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở, dự án triển khai trên địa bàn theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

4. Công an tỉnh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp công tác nghiệp vụ để phát hiện, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

5. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện tốt Quy định này; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đôn đốc, hướng dẫn xử lý các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, dự án đầu tư đã đi vào hoạt động mà chưa lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Tiếp nhận và xử lý các ý kiến đề xuất, kiến nghị của chủ dự án, chủ cơ sở hoặc các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phối hợp với chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh tổ chức xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố về môi trường xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

3. Phổ biến Quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn quản lý. Định kỳ báo cáo việc thực hiện Quy định này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trên địa bàn; Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo thẩm quyền. Có ý kiến bằng văn bản kịp thời về các biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở, dự án triển khai trên địa bàn theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

2. Bố trí nơi niêm yết công khai thông tin về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án trên địa bàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký.

3. Phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn quản lý. Phối hợp với chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh xử lý các sự cố môi trường xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ dự án, chủ cơ sở

1. Nghiên cứu đầy đủ, chủ động thực hiện các trình tự, thủ tục, hồ sơ về bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký theo quy định.

2. Thực hiện đầy đủ nội dung, giải pháp theo đúng lộ trình nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các yêu cầu tại văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Niêm yết công khai các nội dung, thông tin về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trụ sở Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nơi có triển khai dự án.

4. Gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt theo quy định.

5. Chuyển giao, phát thải chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại trong hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các dự án đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh hoặc trung chuyển qua địa bàn tỉnh có hoạt động chuyển giao, phát thải chất thải nguy hại, trước khi triển khai hoạt động chủ cơ sở phải báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh bằng văn bản và kèm theo phương án bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 73 Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

7. Dừng hoạt động và báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý trong trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án sản xuất kinh doanh.

8. Hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi triển khai dự án giám sát, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, dự án đầu tư theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định này thì được khen thưởng, nếu vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham mưu, xem xét, khen thưởng, xử lý các hành vi vi phạm Quy định này.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Các hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường trước đây đã trình nộp cơ quan có thẩm quyền xin phê duyệt hoặc xác nhận, đăng ký mà đến khi Quy định này có hiệu lực vẫn chưa được phê duyệt hoặc xác nhận, đăng ký thì thực hiện theo Quy định này.

2. Đối với các dự án, cơ sở đã được thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết tuy nhiên đến ngày Quy định này có hiệu lực mà chưa chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày làm việc kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, chủ dự án hoặc chủ cơ sở phải chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết để được cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định hiện hành. Quá thời hạn này, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thông báo hủy kết quả thẩm định.

3. Cơ quan chức năng các cấp trên địa bàn tỉnh khi chủ trì tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý phải có trách nhiệm thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra và kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để thống nhất, tổng hợp, theo dõi, cập nhật, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn